TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUẦN GIÁO** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06-9-2024
"V/v: Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Huân

Ông Cà Văn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 06/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2024/TLST - HNGĐ ngày 18/7/2024 về: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 16/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Giàng Thị L, sinh năm 1994.

Địa chỉ thường trú: Bản Pàng Dề B, xã X, huyện T, tỉnh Điện Biên, có đơn xin xét xử vắng mặt

2. Bị đơn: Anh Thào A K, sinh năm 1994

Địa chỉ thường trú: Bản M, xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/7/2024, bản tự khai, nguyên đơn chị Giàng Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Thào A K chung sống như vợ chồng từ năm 2013 không có đăng ký kết hôn, sống với nhau tự nguyện, không ai ép buộc. Thời gian đầu sống hạnh phúc sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống hơn nữa anh K còn đánh chị nhiều lần để lại thương tích cả bản và gia đình bên nội, bên ngoại đều biết. Chị L và anh K đã tự hòa giải nhiều lần nhưng anh K vẫn không thay đổi. Chị L và anh K đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2023 cho đến nay. Chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại Bản Pàng Dề B, xã X, huyện T,

tỉnh Điện Biên để sinh sống. Từ khi sống ly thân chị L và anh K không còn quan tâm đến nhau nữa và cũng không liên lạc chia sẻ gì. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thào A K.

Về con chung: Chị L và anh K có 02 con chung: Cháu Thào Minh P, sinh ngày 15/04/2014 và cháu Thào Han N, sinh ngày 08/4/2021. Hiện cháu Thào Minh P đang sống cùng với anh K tại Bản M, xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên. Cháu Thào Han N đang sống cùng chị L tại Bản Pàng Dề B, xã X, huyện T, tỉnh Điện Biên. Khi ly hôn, chị L đề nghị Toà án giải quyết giao cháu Thào Minh P cho anh K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Giao cháu Thào Han N cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con .

Về quan hệ tài sản: Tài sản chung, tài sản riêng: Không có.

- Về nợ chung: Nợ phải trả, nợ lấy về: Không có.

Tại bản tự khai anh K nộp ngày 15/8/2024, anh Thào A K thừa nhận việc anh và chị L tự nguyện chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã sống ly thân không còn tình cảm với nhau nữa. Anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh nhất trí với chị L về việc anh chị có hai con chung, nhất trí việc giao con chung và việc cấp dưỡng như chị L trình bày.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 15/8/2024. Chị L và anh K đều thống nhất thuận tình ly hôn. Về con chung: Chị L, anh K thống nhất: Giao cháu Thào Minh P cho anh K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Giao cháu Thào Han N cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Các bên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con .

Về quan hệ tài sản: Anh K, chị L thống nhất là không có.

Tại biên bản xác minh ngày 23/72024 tại bản Mý Làng A, xã P, huyện T và biên bản xác minh ngày 24/7/2024 tại bản Pàng Dề B, xã X, huyện T cũng xác nhận việc chị L, anh K chung sống như vợ chồng và không có đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và việc sống ly thân như lời trình bày của chị L và sự thừa nhận của anh K.

Ngày 06/9/2024, Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo mở phiên tòa xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 16/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị Giàng Thị L giữ nguyên quan điểm như trong đơn khởi kiện, bản tự khai đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị theo quy định của pháp luật.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt anh Thào A K vẫn giữ nguyên quan điểm như bản tự khai và tại phiên hòa giải tại Tòa án.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật: Về thẩm quyền và trình tự thủ tục, Thẩm phán, thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình đề nghị Tòa án: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Giàng Thị L và anh Thào A K.

Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình: Giao cháu Thào Minh P, sinh ngày 15/04/2014 cho anh K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Giao cháu Thào Han N, sinh ngày 08/4/2021 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Chấp nhận sự thỏa thuận, chị L, anh K đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con .

Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về: Chị L, anh K đều khai không có.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Đ đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Giàng Thị L là người dân tộc thiểu số sinh sống tại địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện được miễn án phí và có đơn xin được miễn án phí, đề nghị HĐXX miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Giàng Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo và địa chỉ của bị đơn, Tòa án xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố Tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại Thông báo thụ lý vụ án số 100/TB-TLVA ngày 18/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*". Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án nhận thấy chị L, anh K chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn nên Tòa án xác định lại quan hệ tranh chấp của vụ án là: *"Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con"*.

[2]. Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt: Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh K chung sống như vợ chồng từ năm 2013 không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, anh chị đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2023 không ai còn quan tâm đến ai nữa. Mặc dù tại bản tự khai và tại phiên hòa giải anh chị cũng nhất trí ly hôn. Tuy nhiên căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình, xét thấy chị L và anh K đủ điều kiện kết hôn song không đăng ký kết hôn, chung sống với nhau như vợ chồng thì không phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ

và chồng do đó cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Giàng Thị L và anh Thào A K theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Xét nguyện vọng về con chung và cấp dưỡng: Chị L và anh K đều thừa nhận có hai con chung: Thào Minh P; sinh ngày 15/04/2014 và Thào Han N, sinh ngày 08/4/2021. Hiện nay cháu Thào Minh P đang sống cùng với anh K tại Bản M, xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên. Cháu Thào Han N đang sống cùng chị L tại Bản Pàng Dề B, xã X, huyện T, tỉnh Điện Biên. Tại bản tự khai và phiên hòa giải anh chị đều thống nhất về việc giao con chung và cấp dưỡng, phù hợp với các biên bản xác minh về điều kiện nuôi con tại địa phương, anh K vừa làm ruộng và vừa làm thuê có thu nhập ổn định, chị L là giáo viên có mức lương ổn định gần 10.000.000/một tháng. Cháu Thào Minh P cũng có nguyện vọng được ở với anh K. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 15, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình: Căn cứ nguyện vọng và khả năng nuôi dưỡng con chung của chị L, anh K, ý kiến của cháu Thào Minh P: Chấp nhận sự thỏa thuận của chị L, anh K: Giao cháu Thào Minh P, sinh ngày 15/04/2014 cho anh Thào A K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Giao cháu Thào Han N, sinh ngày 08/4/2021 cho chị Giàng Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Chấp nhận việc các bên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con .

[6]. Về quan hệ tài sản: Chị L, anh K đều khai: Tài sản riêng, tài sản chung: Không có.

Về công nợ: Nợ phải trả, nợ lấy về: Không có.

[7]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Đ đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Giàng Thị L là người dân tộc thiểu số sinh sống tại địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện được miễn án phí và có đơn xin được miễn án phí, HĐXX miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Giàng Thị L.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Giàng Thị L và anh Thào A K.

2. Về con chung: Giao cháu Thào Minh P, sinh ngày 15/4/2014 cho anh Thào A K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. Giao cháu Thào Han N, sinh ngày 08/4/2021 cho chị Giàng Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị L, anh K đều không yêu cầu Tòa án giải quyết phần cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L, anh K, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản: Tài sản chung, tài sản riêng: Không có

Về nợ chung: Nợ phải trả, nợ lấy về: Chị L, anh K không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Giàng Thị L.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Giàng Thị L, bị đơn anh Thào A K được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- Chi cục THADS huyện TG;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Đình Hà